

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI AN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22-4-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI AN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Ngọc Hiệp;

Bà Trương Thị Hương Giang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vi Thị Mơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài An, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài An, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài An, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị Kim S**, sinh năm 1999;

Địa chỉ: **Thôn V, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.**

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn V**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: **Thôn V, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.**

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/3024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà **Đặng Thị Kim S** trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông **Trần Văn V** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, sau đó đăng ký kết hôn tại **ủy ban nhân dân xã Á, huyện H, tỉnh Bình Định** vào ngày 05/7/2019, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng không sống chung với nhau, do thời gian đó bà đang có bầu, còn ông **V** đi làm trong Thành phố Hồ Chí Minh, 2 bên thống nhất để bà về nhà mẹ đẻ sinh sống để tiện chăm sóc trong thời gian mang bầu. Vợ chồng chỉ cùng nhau về nhà ông bà nội vào dịp lễ, tết. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, có với nhau 01 con chung tên **Trần Vũ Gia H**, sinh ngày 04/12/2019, hiện con đang được bà nuôi dưỡng ổn định. Bà làm nghề công nhân, thu nhập bình quân 5.000.000 đồng/tháng. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2020, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Bà và ông **V** cũng đã tự hoà giải với nhau, được ba mẹ hai bên khuyên bảo nhưng vẫn không hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng xa cách, không sống chung với nhau, tình cảm nhạt dần dẫn đến việc hay xảy ra tranh cãi. Nay cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù có kéo dài cũng không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Trần Văn V**.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi 01 con chung tên **Trần Vũ Gia H**, sinh ngày 04/12/2019; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông **Trần Văn V** không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/3/2024 và các lời khai tại Tòa án, bị đơn ông **Trần Văn V** trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà **Đặng Thị Kim S** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, sau đó đăng ký kết hôn tại **ủy ban nhân dân xã Á, huyện H, tỉnh Bình Định** vào ngày 05/7/2019, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng không sống chung với nhau, do thời gian đó bà **S** đang có bầu, còn ông đi làm trong Thành phố Hồ Chí Minh, 2 bên thống nhất để bà **S** về

nhà mẹ đẻ sinh sống để tiện chăm sóc. Vợ chồng chỉ cùng nhau về nhà ông bà nội vào dịp lễ, tết. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, có với nhau 01 con chung tên **Trần Vũ Gia H**, sinh ngày 04/12/2019, hiện con đang được ông nuôi dưỡng ổn định. Ông làm nghề công nhân, thu nhập bình quân 6.000.000 đồng/tháng. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2020, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Ông và bà **S** cũng đã tự hoà giải với nhau, được ba mẹ hai bên khuyên bảo nhưng vẫn không hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng xa cách, không sống chung với nhau, tình cảm nhạt dần dần đến việc hay xảy ra tranh cãi. Nay cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù có kéo dài cũng không hạnh phúc bà **S** yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông đồng ý giao 01 con chung tên **Trần Vũ Gia H**, sinh ngày 04/12/2019 cho bà **S** tiếp tục nuôi dưỡng; ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà **Đặng Thị Kim S** không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát **huyện H, tỉnh Bình Định** tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: trong giai đoạn thụ lý hồ sơ, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về hôn nhân: Xét thấy, tình cảm vợ chồng bà **Đặng Thị Kim S** và ông **Trần Văn V** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà **Đặng Thị Kim S** được ly hôn ông **Trần Văn V**.

Về con chung: Đề nghị giao con chung tên **Trần Vũ Gia H**, sinh ngày 04/12/2019 cho bà **Đặng Thị Kim S** tiếp tục nuôi dưỡng; ông **Trần Văn V** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà **Đặng Thị Kim S** có đơn yêu cầu ly hôn ông **Trần Văn V**. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông **Trần Văn V** đăng ký thường trú tại **xã Á, huyện H, tỉnh Bình Định**. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân.

[2] Xét đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt của bà **Đặng Thị Kim S** và ông **Trần Văn V**. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **S**, ông **V**.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Đặng Thị Kim S** và ông **Trần Văn V** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Á, huyện H, tỉnh Bình Định** vào ngày 05/7/2019 nên hôn nhân của vợ chồng ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng không sống chung với nhau, bà **S** ở nhà mẹ đẻ, còn ông **V** đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng chỉ về nhà chồng vào dịp lễ, tết. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2020, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng xa cách, không sống chung với nhau, tình cảm nhạt dần dẫn đến việc hay xảy ra tranh cãi. Vợ chồng cũng đã tự hoà giải với nhau, được ba mẹ hai bên khuyên bảo nhưng vẫn không hàn gắn được.

Nay, bà **Đặng Thị Kim S** và ông **Trần Văn V** đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ được nên bà **S**, ông **V** đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng bà **S**, ông **V** mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cho dù có kéo dài cuộc sống vợ chồng cũng không hạnh phúc và thực tế họ đã không còn sống chung với nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Bà **Đặng Thị Kim S** và ông **Trần Văn V** có 01 con chung tên **Trần Vũ Gia H**, sinh ngày 04/12/2019. Hiện con đang được bà **S** nuôi dưỡng ổn định, ông **V** cũng đồng ý giao con cho bà **S** tiếp tục nuôi dưỡng. Nên giao con chung cho bà **S** tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **Đặng Thị Kim S** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà **Đặng Thị Kim S** và ông **Trần Văn V** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà **Đặng Thị Kim S** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Bà **Đặng Thị Kim S** được ly hôn ông **Trần Văn V**.

2. Về con chung: Giao con chung tên **Trần Vũ Gia H**, sinh ngày 04/12/2019 cho bà **Đặng Thị Kim S** tiếp tục nuôi dưỡng. Ông **Trần Văn V** được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên: Người thân thích của con; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm, bà **Đặng Thị Kim S** phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 00 04634, ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết bản án theo quy định, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Hoài Ân + Tỉnh;
- Các bên đương sự;
- CC THADS huyện Hoài Ân;
- UBND xã Ân Hào Tây;
- Lưu HSPA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Nam

